

Số: 10 /2020/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 04 tháng 5 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về số lượng và bố trí các chức vụ, chức danh cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;*

*Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 587/TTr-SNV ngày 06 tháng 3 năm 2020 và Công văn số 1034/SNV-XDCQ&CTTN ngày 27 tháng 4 năm 2020; Báo cáo thẩm định số 06/BCTĐ-STP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Sở Tư pháp.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Quy định số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là cấp xã) trên địa bàn thành phố Hải Phòng như sau:**

1. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng được bố trí theo loại đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể:

- a) Cấp xã loại 1: Tối đa 23 người.
- b) Cấp xã loại 2: Tối đa 21 người.
- c) Cấp xã loại 3: Tối đa 19 người.



2. Việc xếp loại đơn vị hành chính cấp xã thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính.

3. Một số quy định khác:

a) Đối với phường không có tổ chức Hội Nông dân: Giảm 01 (một) người so với số lượng được bố trí quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Đối với xã, thị trấn: Giảm 01 (một) người so với số lượng được bố trí quy định tại khoản 1 Điều này do đã bố trí Trưởng Công an xã là công an chính quy.

c) Số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này đã bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về công tác tại cấp xã. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ thực hiện chủ trương luân chuyển, điều động cán bộ về đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã do luân chuyển, điều động nằm ngoài số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này.

## **Điều 2. Chức vụ, số lượng cán bộ cấp xã**

1. Cán bộ cấp xã có các chức vụ sau đây:

- a) Bí thư Đảng ủy;
- b) Phó Bí thư Đảng ủy hoặc Thường trực Đảng ủy (nơi không có Phó Bí thư chuyên trách công tác Đảng);
- c) Chủ tịch Hội đồng nhân dân;
- d) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;
- đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
- e) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
- g) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- h) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- i) Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- k) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- l) Chủ tịch Hội Nông dân (chỉ áp dụng đối với cấp xã có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam).

2. Số lượng cán bộ cấp xã được bố trí ở mỗi chức vụ:

a) Mỗi chức vụ cán bộ cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này được bố trí 01 người đảm nhiệm.

b) Đối với chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

### **Điều 3. Chức danh, số lượng công chức cấp xã**

1. Công chức cấp xã có các chức danh sau đây:

a) Chỉ huy trưởng Quân sự;

b) Văn phòng - Thống kê;

c) Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn);  
Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã);

d) Tài chính - kế toán;

đ) Tư pháp - hộ tịch;

e) Văn hóa - xã hội.

2. Số lượng người được bố trí ở từng chức danh công chức:

a) Mỗi chức danh công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này được bố trí 01 người đảm nhiệm.

b) Sau khi đã bố trí đủ số lượng theo các chức danh công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này, số lượng còn lại bố trí cho các chức danh: Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tư pháp - hộ tịch; Văn phòng - Thống kê; Văn hóa - xã hội và Tài chính - kế toán nhưng phải bảo đảm mỗi chức danh bố trí không quá 03 người đảm nhiệm. Tổng số công chức sau khi bố trí không vượt quá tổng số cán bộ, công chức cấp xã được bố trí theo quy định tại Điều 1 trừ đi số lượng cán bộ cấp xã sau khi bố trí theo quy định tại Điều 2 Quyết định này.

### **Điều 4. Về việc bố trí kiêm nhiệm**

Cán bộ cấp xã có thể kiêm nhiệm các chức danh cán bộ khác hoặc kiêm nhiệm các chức danh công chức cấp xã, trừ các trường hợp quy định pháp luật quy định không cho phép kiêm nhiệm; chỉ bố trí cán bộ cấp xã kiêm nhiệm các chức danh công chức cấp xã khi đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh công chức cấp xã được kiêm nhiệm.

### **Điều 5. Điều kiện chuyển tiếp**

1. Đối với cấp xã đang bố trí vượt số lượng được bố trí quy định tại Điều 1 Quyết định này:



a) Không thực hiện việc bầu cử, tuyên dụng, chỉ định, tiếp nhận, luân chuyển, điều động, biệt phái về công tác tại cấp xã trên, trừ các trường hợp sau: Khuyết chức danh người đứng đầu Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội ở cấp xã, Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã hoặc việc tiếp nhận, luân chuyển, điều động nằm trong Kế hoạch của Ủy ban nhân dân quận, huyện nhằm mục tiêu bố trí, sắp xếp để làm giảm số lượng cán bộ, công chức cấp xã.

b) Thực hiện việc bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ, chính sách đối với số cán bộ, công chức cấp xã đang bố trí vượt quy định từ thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022; Ủy ban nhân dân thành phố chỉ ghi nhận số lượng cán bộ, công chức cấp xã đang bố trí vượt quy định đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022. Riêng đối với các xã, phường, thị trấn liên quan đến việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính: Thực hiện theo các quy định hiện hành của Trung ương.

2. Đối với cấp xã đang sử dụng số lượng biên chế giao cho cán bộ cấp xã để bố trí các chức danh công chức cấp xã: Thực hiện việc bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ, chính sách để đảm bảo theo đúng Quyết định này; Ủy ban nhân dân thành phố chỉ ghi nhận số lượng công chức cấp xã đang bố trí vượt quy định đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022. Riêng đối với các xã, phường, thị trấn liên quan đến việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính: Thực hiện theo các quy định hiện hành của Trung ương.

## **Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và địa phương**

### **1. Sở Nội vụ**

a) Thông báo số lượng cán bộ, công chức cấp xã được bố trí đối với từng xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố.

b) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc bố trí, quản lý, sử dụng số lượng cán bộ, công chức cấp xã và việc giải quyết tồn tại của các địa phương theo quy định này.

c) Thông báo và xác nhận số lượng cán bộ, công chức cấp xã có mặt định kỳ 6 tháng đầu năm (trước ngày 15/12 năm trước liền kề) và 6 tháng cuối năm (trước ngày 15/6 hàng năm).

d) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn các địa phương xây dựng các báo cáo, các biểu mẫu thống kê và tổng hợp tình hình bố trí, quản lý, sử dụng số lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn thành phố, báo cáo Bộ Nội vụ, Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu.

### **2. Các sở, ban, ngành liên quan**

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

### 3. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

a) Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã: Việc bố trí, quản lý, sử dụng số lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn; việc bố trí các chức danh cán bộ cấp xã kiêm nhiệm; các chức danh công chức được bố trí 02 hoặc 03 người đảm nhiệm.

b) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã đang bố trí chưa đảm bảo quy định; sắp xếp lại đội ngũ công chức trong nội bộ các xã, phường, thị trấn thuộc quận, huyện để bảo đảm việc quản lý, sử dụng biên chế, số lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

c) Theo dõi, tổng hợp các nội dung: Tuyển dụng, tiếp nhận, luân chuyển, nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác, tinh giản biên chế (biến động tăng hoặc giảm) định kỳ 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm, báo cáo Sở Nội vụ làm cơ sở để thông báo và xác nhận số lượng cán bộ, công chức cấp xã có mặt.

d) Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện Quyết định này trên địa bàn; định kỳ tháng 9 hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất báo cáo về tình hình bố trí, quản lý, sử dụng số lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ tổng hợp).

### 4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện việc bố trí số lượng, chức danh cán bộ, công chức cấp xã theo quy định này.

b) Tổ chức thực hiện việc bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã đang bố trí chưa đảm bảo quy định theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo về tình hình bố trí, quản lý, sử dụng số lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn theo chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

## **Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2020.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về số lượng và bố trí các chức vụ, chức danh cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi



khoản 2 Điều 2 Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố.

### **Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường, thị trấn căn cứ Quyết định thi hành./. *ly*

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- TTTU, TT HỒNDTP;
- Đoàn ĐBQH TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 8;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Báo HP; Đài PTTH HP;
- Công TTĐT TP; Công báo TP;
- Các Phòng: KSTTHC, NC&KTGS;
- CV: NV2;
- Lưu: VT, KSTTHC. *g*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Tùng**